

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành/chuyên ngành: Dược học

Mã số: 7720201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- 1.1. Tên học phần: **Thực tập tốt nghiệp**
- 1.2. Mã học phần: **GRI1131**
- 1.3. Số tín chỉ: 3 (0 LT/3TH)
- 1.4. Loại học phần (bắt buộc/lựa chọn): **Bắt buộc**
- 1.5. Điều kiện tham gia học phần:
 - Học phần tiên quyết: Các hp chung và cơ sở dược
 - Học phần học trước:
- 1.6. Các giảng viên phụ trách HP:
 - Giảng viên phụ trách chính: DSKKI. Nguyễn Văn Đình
 - Các giảng viên cùng giảng dạy: Ths. Phùng Thị Hương Giang

2. Mô tả học phần *(vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)*

Học phần nhằm Bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động hành nghề dược. Học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận và hiểu rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của ngành dược trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, quản lý và cung ứng thuốc phục vụ sức khỏe nhân dân. Trên cơ sở đó sinh viên có thể thực hiện được nhiệm vụ của mình sau khi tốt nghiệp.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

Bảng 1: Mục tiêu của học phần thể hiện sự tương quan với các chủ đề CDR của CTĐT (PLOs) và trình độ năng lực được phân bổ cho học phần

TT Mục tiêu (COs)	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR của CTĐT (PLOs)	Trình độ năng lực
CO1	Nhằm giúp người học tiếp cận và vận dụng kiến thức chuyên ngành trong các hoạt động sản xuất, cung ứng, kiểm nghiệm và quản lý thuốc tại các cơ sở thực tập.	PLO3	3/6
CO2	Giúp người học hiểu và tuân thủ các quy định pháp luật, các nguyên tắc GPs (GMP, GSP, GLP...) trong hoạt động hành nghề dược	PLO5	3/6
CO3	Tạo điều kiện để người học rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, xử lý tình huống, tư duy và giải quyết vấn đề trong thực tiễn	PLO9	3/6
CO4	Rèn luyện cho người học ý thức trách nhiệm, tinh thần hợp tác, đạo đức nghề nghiệp và thái độ nghiêm túc trong công việc chuyên môn.	PLO11, 12	4/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)

Bảng 2: Mô tả CDR của học phần Thực tập tốt nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra với ngành Dược học

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP Thực tập tốt nghiệp			CLOs học phần Thực tập tốt nghiệp				
Ký hiệu	Mô tả	Trình độ năng lực	Ký hiệu	Mô tả	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	Trình độ năng lực	Chương HP đảm nhận
PLO3	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong sản xuất, cung ứng, bảo quản, hướng dẫn sử dụng	3/6	CLO1	Vận dụng kiến thức chuyên ngành trong sản xuất, cung ứng, kiểm nghiệm và quản lý thuốc tại cơ sở thực tập	ITU	3/6	I.II.III

	thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe.						
PLO5	Vận dụng được các văn bản pháp quy về dược có liên quan đến lĩnh vực hoạt động chuyên môn trong các định hướng chuyên ngành	3/6	CLO2	Tuân thủ các quy định pháp luật và các nguyên tắc GPs (GMP, GSP, GLP, GDP...) trong quá trình thực tập	ITU	3/6	I.II.III
PLO9	Có năng lực giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng làm việc độc lập, năng lực tư duy, sáng tạo và giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp. Có kỹ năng phát hiện, phân tích, xử lý tình huống nảy sinh trong thực tiễn hoạt động chuyên môn, đáp ứng những yêu cầu của xã hội.	3/6	CLO3	Thể hiện kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, tư duy và giải quyết vấn đề trong bối cảnh thực tế nghề nghiệp	ITU	3/6	I.II.III
PLO11	Có lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh. Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Khả năng phát triển chuyên môn, học lên bậc cao hơn	4/5	CLO4	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm, tinh thần kỷ luật và thái độ chuyên nghiệp trong quá trình thực tập	TU	4/5	I.II.III
PLO12	Tôn trọng, hợp tác với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp và đối tác. Coi	4/5	CLO5	Hợp tác hiệu quả với người hướng dẫn và đồng nghiệp tại nơi thực tập; thể	TU	4/5	I.II.III

	trọng việc kết hợp y dược học hiện đại với y dược học cổ truyền; Có ý thức trách nhiệm với xã hội và môi trường.			hiện tinh thần hỗ trợ và xây dựng môi trường làm việc tích cực			
--	--	--	--	--	--	--	--

Bảng 3: Ma trận đóng góp của các bài giảng cho việc đạt CDR học phần

PLOs được phân nhiệm	PLO3	PLO5,PLO9	PLO11. PLO12	
CLOs	CLO1	CLO2, CLO3	CLO4, CLO5	
Bài giảng	1	2	4	5
Chương 1	X	X	X	X
Chương 2	X	X	X	X
Chương 3	X	X	X	X

5. Đánh giá học phần (các thành phần, các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

Bảng 3. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR HP được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	Tham gia đầy đủ các buổi học	CLO4,5		Điểm danh	Các buổi học

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR HP được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
Thái độ học tập	Thực hiện tích cực các hoạt động chuyên môn	CLO4,5		Thông qua các hoạt động học tập tại cơ sở	Các buổi học
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
	Bài kiểm tra 1	CLO1,2,3	30	Thực hành/vấn đáp	
A2. Đánh giá cuối kỳ			50		
	Thi cuối kỳ	CLO1,2,3	50	Báo cáo	Theo lịch thi của phòng QLĐT

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CĐR học phần

CLO s Bài ĐG	Kiến thức chung		Kỹ năng chung	NL tự chủ và TN	
	1	2	3	4	5
A1.1	X	X	X	X	X
A1.2	X	X	X		
A2	X	X	X		

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần)

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (THTT)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)	(6)	(7)
1	Chương 1: Thực hành tại Khoa dược bệnh viện, Nhà thuốc	10	CLO1,2,3,4,5	Xây dựng KH, hướng dẫn nội quy, Trực quan, làm mẫu, thuyết trình giảng giải	Chủ động lịch thực tập, đảm bảo giờ giấc ngày công thực tập, làm trực tiếp, nhận xét công việc, hỏi người hướng dẫn, an toàn lao động, quan sát nhận xét công việc, ghi chép, báo cáo thực tập, góp ý xây dựng cải tiến công việc	A1 A1.1
2	Chương 2: Thực hành tại các Công ty, xí nghiệp sản xuất, cung ứng dược	15	CLO1,2,3,4,5	Xây dựng KH, hướng dẫn nội quy, Trực quan, làm mẫu, thuyết trình giảng giải	Chủ động lịch thực tập, đảm bảo giờ giấc ngày công thực tập, làm trực tiếp, nhận xét công việc, hỏi người hướng dẫn, an toàn lao động, quan sát nhận xét công việc, ghi chép, báo cáo thực tập, góp ý xây dựng cải tiến công việc	A1 A1.1
3	Chương 3: Thực hành tại các Viện nghiên cứu, viện Kiểm nghiệm thuốc	110	CLO1,2,3,4,5	Xây dựng KH, hướng dẫn nội quy, Trực quan, làm mẫu, thuyết trình giảng giải	Chủ động lịch thực tập, đảm bảo giờ giấc ngày công thực tập, làm trực tiếp, nhận xét công việc, hỏi người hướng dẫn, an toàn lao động, quan sát nhận xét công việc, ghi chép, báo cáo	A1 A1.1

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (THTT)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
					thực tập, góp ý xây dựng cải tiến công việc	
	Tổng	180				

7. Học liệu học tập

Bảng 7. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính, tài liệu học tập			
1				

Bảng 8. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm...	Số lượng	

1	Cơ sở thực tập: Bệnh viện, Công ty dược,	Cơ sở vật chất trang thiết bị theo điều kiện thực tế của cơ sở thực tập	Đầy đủ	Chương 1,2,3
---	---	---	--------	--------------

9. Các Rubric đánh giá kết quả học tập (Có file các rubric ứng với từng PP đánh giá để Thầy Cô tham khảo. Thầy Cô có thể tự xây dựng rubric hoặc điều chỉnh file đã có để phù hợp với PP đánh giá lựa chọn).

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	

Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể, biết thiết kế trên video	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định	25%

			theo dõi nội dung trình bày	hiểu được nội dung trình bày.		
--	--	--	-----------------------------	-------------------------------	--	--

Rubric 3: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	<30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm	30%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm	20%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
				thành viên khác của nhóm		

Rubric 4: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận,	Không có bài tập Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận,	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận sử dụng trong bài tập rõ ràng, hợp	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận logic sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú,	30%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	Mức F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
	bảng biểu sử dụng trong bài không phù hợp.	bảng biểu sử dụng trong bài không phù hợp.	về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú)	lý. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý	giải thích cụ thể, hợp lý.	
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận đúng, rõ ràng	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận chứng cứ logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý	50%

Hải Dương, ngày... tháng... năm 2021

Trưởng khoa

Người biên soạn

(Đã ký)

(Đã ký)

GS.TSKH. Phùng Đức Cam

DSCKI. Nguyễn Văn Đình

